

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 240/2022/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Đoàn Văn M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* Chị Tô Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84; của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Văn M và chị Tô Thị L.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về hôn nhân:* Anh Đoàn Văn M và chị Tô Thị L thuận tình ly hôn.
  - Về nuôi con:* Tên Đoàn Thị Mỹ X sinh ngày 04/9/2009, Đoàn Thanh P sinh ngày 22/8/2014 hiện tại đang sống chung với anh M.

Đoàn Thị Mỹ X và Đoàn Thanh P có nguyện vọng được sống với anh M khi cha mẹ ly hôn. Anh Đoàn Văn M và chị Tô Thị L thoả thuận quyền nuôi con như sau:

Anh Đoàn Văn M được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Đoàn Thị Mỹ X sinh ngày 04/9/2009, Đoàn Thanh P sinh ngày 22/8/2014.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh M và chị L không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh M và chị L không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh M và chị L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Đoàn Văn M tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008293 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Hoàn trả anh M số tiền chênh lệch là 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã T; Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc Tranh**